

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 15 /NQ-HĐND

Bến Tre, ngày 26 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bến Tre năm 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 18
(KỲ HỌP ĐỀ GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC PHÁT SINH ĐỘT XUẤT)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 50/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 138/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà

nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Xét Tờ trình số 2625/TTr-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Nghị quyết phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí mua sắm tài sản, trang thiết bị, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bến Tre năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách, Ban văn hóa – xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ mua sắm tài sản, trang thiết bị của cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bến Tre năm 2025 (*Chi tiết tại Phụ lục I đính kèm*).

Điều 2. Phê duyệt nhiệm vụ xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bến Tre năm 2025 (*Chi tiết tại Phụ lục II đính kèm*).

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa X, kỳ họp thứ 18 (kỳ họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất) thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

CHỦ TỊCH

Hồ Thị Hoàng Yến

Phụ lục I

**DANH MỤC NHIỆM VỤ MUA SẴM TÀI SẢN, TRANG THIẾT BỊ
CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẾN TRE NĂM 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị/Chủng loại tài sản, trang thiết bị	Số lượng theo định mức	Số lượng hiện có	Số lượng đề xuất mua	Dự toán kinh phí thực hiện	Nguồn kinh phí	Thời gian thực hiện/Dự kiến hoàn thành mua sắm
	TỔNG CỘNG				83.904		
	SỐ, NGÀNH TỈNH				82.404		
I	Sở Y tế				79.241		
1	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu				48.480		
1.1	Hệ thống chụp cộng hưởng từ Mri $\geq 1,5$ Tesla (Hệ thống chụp cộng hưởng từ Mri 3 Tesla).	2	1	1	48.480	Chi thường xuyên NSNN	Năm 2025
2	Bệnh viện ĐKKV Cù Lao Minh				22.840		
2.1	Hệ thống CT- Scanner 64 - 128 lát cắt/vòng quay (Hệ thống CT Scanner 128 lát cắt).	1	0	1	22.000	Chi thường xuyên NSNN	Năm 2025
2.2	Máy sấy công nghiệp	1	0	1	550		
2.3	Máy chủ (Server)	0	2	1	290		
3	Bệnh viện ĐKKV Ba Tri				2.904		
3.1	Máy siêu âm tổng quát	5	4	1	1.875	Chi thường xuyên NSNN	Năm 2025
3.2	Máy giặt 35kg/mẻ giặt	không quy định	2	1	352		
3.3	Máy sấy 35kg/mẻ giặt	không quy định	1	1	165		
3.4	Máy chủ (Server)	0	2	1	190		
3.5	Máy điều hòa nhiệt độ 1,0HP	30	20	6	78		
3.6	Máy điều hòa nhiệt độ 1,5HP	80	80	9	128		

3.7	Máy điều hòa nhiệt độ 2,0HP	25	21	5	116		
4	<i>Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm</i>				3.914		
4.1	Quang phổ hấp thụ nguyên tử (AAS)	2	1	1	700	Chi thường xuyên NSNN	Năm 2025
4.2	pH kế Beckmann	1	1	1	100		
4.3	Cân phân tích 5 số lẻ	2	1	1	300		
4.4	Hệ thống phân tích đậm	1	0	1	1.234		
4.5	Máy đo vòng vô khuẩn	1	0	1	550		
4.6	Máy pha loãng mẫu trọng lượng	1	0	1	600		
4.7	Máy lọc nước siêu tinh khiết	0	0	1	430		
5	<i>Bệnh viện Phổi</i>				165		
5.1	Bộ máy vi tính	48	47	9	128	Chi thường xuyên NSNN	Năm 2025
5.2	Máy in	32	27	4	27		
5.3	Máy scan	3	2	1	10		
6	<i>Trung tâm Kiểm soát bệnh tật</i>				271		
6.1	Bộ bàn ghế ngồi làm việc (loại 1)	134	134	10	50	Chi thường xuyên NSNN	Năm 2025
6.2	Bộ máy vi tính	134	134	10	150		
6.3	Máy điều hòa nhiệt độ 1,5HP	15	15	5	71		
7	<i>Bệnh viện Y học cổ truyền Trần Văn An</i>				667		
7.1	Bàn hội trường	0	0	115	448	Chi thường xuyên NSNN	Năm 2025
7.2	Ghế hội trường	0	0	230	219		
II	Ban Quản lý các khu công nghiệp				1.220		
1	<i>Ban QLDA Phát triển hạ tầng các khu công nghiệp</i>				1.220		
1.1	Bơm li tâm trục ngang	4	0	2	1.220	Chi thường xuyên NSNN	Năm 2025
III	Khối cơ quan Đảng tỉnh				63		
1	<i>Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh</i>				23		

1.1	Bộ máy vi tính	15	14	1	13	Chi thường xuyên NSNN	Tháng 5/2025
1.2	Máy in dùng chung	0	0	1	10		
2	<i>Đảng uỷ Ủy ban nhân dân tỉnh</i>				40		
2.1	Bộ máy vi tính	16	14	2	28	Chi thường xuyên NSNN	Tháng 5/2025
2.2	Máy Scan	0	0	1	12		
IV	Sở Xây dựng (Cảng vụ Đường thủy nội địa Bến Tre)				1.700		
1	Tài sản: tàu phục vụ công tác kiểm tra, đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa (Tàu vỏ thép, công suất 250cv, sức chở 12 người (tài sản mới)	1	0	1	1.700	Chi thường xuyên NSNN	Tháng 8/2025
V	Sở Nông nghiệp và Môi trường				180		
1	<i>Ban quản lý rừng phòng hộ và đặc dụng</i>				180		
1.1	Mua vỏ lãi thực hiện tuần tra bảo vệ rừng	0	0	3	180	Chi thường xuyên NSNN	Quý 2/2025
	CẤP HUYỆN				1.500		
1	<i>Trung tâm y tế huyện Bình Đại</i>				1.500		
1.1	Máy gây mê kèm thở	1	0	1	1.500	Chi thường xuyên NSNN	Năm 2025

Phụ lục II

DANH MỤC NHIỆM VỤ XÂY DỰNG MỚI HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH TRONG CÁC DỰ ÁN
ĐÃ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẾN TRE NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 15 /NQ-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện nhiệm vụ/Tên hạng mục công trình	Mục tiêu, quy mô xây dựng	Địa điểm xây dựng	Dự kiến khối lượng công việc thực hiện	Dự toán kinh phí thực hiện	Cơ cấu nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ từng nguồn kinh phí	Thời gian thực hiện nhiệm vụ	Sự cần thiết, lý do thực hiện
I	Sở Nội vụ (Ban quản lý Nghĩa trang liệt sĩ)							
1	Xây mới 114 Kim tinh Khu Thường vụ và mộ tử trần	Xây mới 114 kim tinh (06 khu Thường vụ Tỉnh ủy, Cách mạng lão thành; 108 khu mộ tử trần)	Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh	114 kim tinh	823	Sự nghiệp đảm bảo xã hội đã phân bổ cho NTLS năm 2025	Tháng 5/2025	Xây mới 114 kim tinh: 06 Khu thường vụ (do hiện tại còn 04 cái; Xây mới 108 khu tử trần (do hiện tại còn 63 cái) nhằm đảm bảo hoạt động thường xuyên của Nghĩa trang liệt sĩ